

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 19/3/2009 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Nghị quyết số 120/2014/NQ-HĐND ngày 18/7/2014 của HĐND tỉnh và Quyết định số 2456/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch phát triển cây cao su tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2014 – 2020

Đắk Lắk có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc phát triển các loài cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao như cà phê, cao su, ca cao... trong đó cây cao su là cây đa mục đích, vừa sử dụng trong nông nghiệp và lâm nghiệp, được xác định là cây quan trọng trong cải tạo, chuyển đổi rừng kinh tế nghèo, trong tương lai sẽ góp phần giải quyết việc làm, cải thiện đời sống cho người dân, góp phần phát triển kinh tế xã hội ở một số huyện còn khó khăn. Từ năm 2009 đến nay, tuy bị cạnh tranh về diện tích của các loại cây trồng khác và ảnh hưởng của biến động giá cao su trên thị trường, nhưng các chỉ tiêu về diện tích, năng suất, sản lượng cao su vẫn liên tục tăng, góp phần chuyển dịch cơ cấu diện tích cây trồng, thay đổi tập quán canh tác, cải thiện đời sống và thu nhập người dân, đặc biệt ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, thách thức, song chương trình phát triển cây cao su của tỉnh vẫn ổn định và phát triển với tốc độ tăng trưởng khá, góp phần đáng kể vào việc phát triển kinh tế xã hội, ổn định an ninh chính trị của tỉnh.

Để tiếp tục thực hiện chủ trương của Chính phủ về phát triển cao su ở Tây Nguyên nói chung và Đắk Lắk nói riêng, sử dụng hợp lý, có hiệu quả đất đai từ quỹ đất rừng nghèo, đất trồng cây khác kém hiệu quả, đất trống có điều kiện phù hợp. Căn cứ Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 19/3/2009; Nghị quyết số 120/2014/NQ-HĐND ngày 18/7/2014 về Quy hoạch phát triển cây cao su tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2014-2020; Quyết định số 2456/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch phát triển cây cao su tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2014 – 2020, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển cây cao su tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2014 – 2020, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

a) Đẩy nhanh tiến độ trồng cao su trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy hoạch được duyệt, đạt giá trị gia tăng cao, đảm bảo phát triển bền vững; góp phần phát triển ổn định xã hội, nâng cao thu nhập cho nông dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số.

b) Khuyến khích các thành phần kinh tế, nhất là các doanh nghiệp lớn chuyên sản xuất kinh doanh sản phẩm cao su, có tiềm lực tài chính tham gia đầu tư trồng cao su; hình thành các vùng trồng tập trung quy mô lớn gắn với đầu tư nhà máy chế biến, hỗ trợ cao su của hộ gia đình phát triển có hiệu quả và tham

gia đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ dân sinh, kinh tế tại địa phương.

c) Trồng, chăm sóc và khai thác cây cao su theo đúng quy trình kỹ thuật, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ để tăng năng suất, nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm đầu ra, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và xuất khẩu, khắc phục tình trạng đất đai kém màu mỡ ở một số vùng dự kiến mở rộng so với các vùng đã trồng cao su trong tỉnh; đẩy mạnh sản xuất đi đôi với củng cố các thị trường truyền thống, tìm kiếm mở rộng thị trường mới để tránh phụ thuộc vào một vài thị trường và nâng cao chuỗi giá trị sản phẩm cây cao su.

d) Đẩy mạnh trồng cao su gắn với quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường tự nhiên, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho lực lượng lao động tại chỗ, nhất là lao động đồng bào dân tộc thiểu số, thực hiện xóa đói giảm nghèo và tiến tới làm giàu đối với người trồng cao su, thúc đẩy phát triển hạ tầng nông thôn trong vùng, góp phần đẩy mạnh tiến độ xây dựng nông thôn mới.

2. Yêu cầu:

Thực hiện có hiệu quả các nội dung Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 19/3/2009 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Nghị quyết số 120/2014/NQ-HĐND ngày 18/7/2014 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2456/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch phát triển cây cao su tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2014 - 2020:

- a) Tổng diện tích trồng cao su của tỉnh đạt 66.800 ha.
- b) Năng suất cao su đạt: 1,65 tấn/ha.
- c) Sản lượng cao su đạt: 60 ngàn tấn.
- d) Giá trị xuất khẩu mủ cao su đạt: 97 triệu USD.
- e) Tạo việc làm ổn định cho: 27 – 28 ngàn lao động.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN:

1. Nhiệm vụ và giải pháp tổ chức thực hiện:

1.1 Về quản lý và chuyển đổi rừng nghèo sang trồng cao su:

- Công bố rộng rãi chủ trương, chính sách và phương án quy hoạch phát triển cây cao su và làm tốt công tác giới thiệu địa điểm.

- Xây dựng, triển khai các dự án trồng cao su, đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật bảo vệ và phát triển rừng, pháp luật về đất đai, pháp luật về đầu tư cũng như trình tự, thủ tục, tiêu chí, điều kiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Điều tra, phân loại các trường hợp lấn chiếm đất rừng trái phép để có phương án xử lý, bố trí sử dụng đất theo quy hoạch và quy định của pháp luật.

- Điều tra, phân loại các trường hợp lấn chiếm đất rừng trái phép, làm cơ sở xây dựng phương án xử lý một cách kiên quyết đúng pháp luật, đồng thời bố trí sử dụng đất theo quy hoạch và quy định của pháp luật.

- Tăng cường kiểm tra, đánh giá kết quả điều tra rừng, khai thác tận thu lâm sản và bàn giao hiện trạng rừng cụ thể chặt chẽ cho các chủ dự án quản lý bảo vệ, triển khai thực hiện theo đúng mục tiêu dự án đã được cấp thẩm quyền cho phép.

- Tăng cường kiểm tra, đánh giá kết quả điều tra rừng, khai thác tận thu rừng và giao rừng thành từng đợt đối với các dự án lớn.

1.2 Về tổ chức sản xuất và vốn đầu tư vườn cao su:

a) Tổ chức sản xuất:

- Khuyến khích Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam và các nhà đầu tư thành lập các công ty trồng cao su có quy mô lớn với nhiều hình thức góp vốn, phù hợp điều kiện cụ thể của các đối tượng tham gia trồng cao su nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn trong và ngoài tỉnh.

- Phát huy vai trò hạt nhân của các doanh nghiệp đầu tư trồng cao su đối với phát triển cao su của hộ gia đình, thông qua hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, cung ứng vật tư và cây giống có chất lượng, đào tạo và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật.

- Tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra các bước triển khai các dự án nhằm đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch, tiến độ trồng, chăm sóc và khai thác cao su theo đúng quy trình kỹ thuật do Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam ban hành cũng như các quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Tổng vốn đầu tư: Tổng chi phí trồng mới và kiến thiết cơ bản vườn cao su thời kỳ 2014 – 2025 theo phương án quy hoạch là 7.734 tỷ đồng, trong đó: Giai đoạn 2014 – 2015 là 1.614 tỷ đồng, giai đoạn 2016 – 2025 là 6.120 tỷ đồng. Nguồn vốn đầu tư bao gồm: Vốn tự có của các doanh nghiệp và cá nhân đầu tư trồng cao su, vốn liên kết liên doanh đầu tư và nguồn vốn tín dụng.

c) Về thị trường tiêu thụ cao su:

- Phát huy vai trò nòng cốt của các doanh nghiệp đầu tư trồng cao su trong việc cung cấp thông tin, tìm kiếm mở rộng thị trường xuất khẩu sản phẩm cao su cũng như xây dựng quan hệ đối tác chiến lược với các Công ty sản xuất sản phẩm cao su lớn trong và ngoài nước.

- Tích cực tham gia Hội chợ về sản phẩm cao su, tiến tới tổ chức các Hội chợ trong nước để tạo điều kiện các hộ trồng cao su, chủ trang trại, doanh nghiệp có thể bán sản phẩm trực tiếp, đồng thời giúp người kinh doanh sản phẩm mủ cao su có cơ hội tiếp cận nguồn hàng tập trung, giảm chi phí giao dịch.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư trồng cao su cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm cao su phù hợp với nhu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu, từng bước đa dạng hóa thị trường xuất khẩu để giảm bớt phụ thuộc một vài thị trường tiêu thụ lớn.

- Thúc đẩy các ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm cao su nội địa phát triển để nâng cao mức tiêu thụ trong nước, góp phần ổn định tiêu thụ, giảm bớt rủi ro của thị trường xuất khẩu, gia tăng giá trị của cây cao su.

d) Về khoa học, công nghệ và khuyến nông:

- Khuyến khích người dân sử dụng các giống cao su tốt phù hợp với điều kiện sinh thái từng tiểu vùng và có nguồn gốc, lý lịch rõ ràng, đúng quy định; xây dựng mạng lưới cung cấp giống cao su tốt, trong đó nòng cốt là các doanh nghiệp có kinh nghiệm sản xuất giống cao su trên địa bàn tỉnh; thiết lập hệ thống vườn ươm giống tại chỗ để giảm chi phí vận chuyển, hạ giá thành và đảm bảo chất lượng cây giống; tăng cường công tác quản lý chất lượng cây giống, kiên quyết xử lý cơ sở sản xuất và cung ứng giống cao su không rõ nguồn gốc, không đảm bảo chất lượng; khảo nghiệm giống trên các loại đất khác nhau để xác định các giống phù hợp.

- Tập huấn, hướng dẫn người trồng cao su thực hiện theo đúng quy trình kỹ thuật trồng cao su và tích cực ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất cao su trên đất rừng khộp như sử dụng phương tiện cơ giới để đào hố với kích thước hố lớn, đào hố sâu qua tầng kết von nhiều và sét chặt; có hệ thống mương tiêu nước chống úng, đắp đê ngăn nước, đào mương dẫn dòng nước xâm nhập ra khỏi vùng trồng cao su; giữ nước trong mùa khô đối với vùng có hiện tượng khô hạn; trồng thảm phủ họ đậu để bảo vệ đất và chống nóng trong mùa khô; tủ gốc bằng vật liệu thực vật hoặc bằng màng phủ nông nghiệp vào cuối mùa mưa hai năm đầu; đào hố đa năng dùng để giữ ẩm, tích mùn và phân bón; tăng cường bón phân hữu cơ để cải tạo đất và phòng chống cháy cho cao su vào đầu mùa khô áp dụng các giải pháp thâm canh như tưới nước, bón phân theo nhu cầu.v.v.

- Điều tra, đánh giá, phân hạng chất lượng vườn cây cao su hiện có và các điều kiện liên quan để từ đó có các biện pháp tác động phù hợp.

- Củng cố và phát triển hệ thống khuyến nông đối với cây cao su, trước hết là hệ thống khuyến nông nhà nước thông qua việc bố trí cán bộ khuyến nông chuyên trách về cây cao su từ tỉnh xuống các huyện và các xã trọng điểm trồng cao su; xây dựng chương trình khuyến nông đối với cây cao su; tăng nguồn kinh phí cho hoạt động khuyến nông đối với cây cao su từ ngân sách nhà nước; phát triển mạng lưới khuyến nông tự nguyện, mạng lưới nông dân trồng cao su giỏi ở cơ sở. Các doanh nghiệp có tiềm lực kinh tế, có kinh nghiệm trồng cao su là hạt nhân vững mạnh về chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, cung ứng dịch vụ kỹ thuật và thu mua sản phẩm cao su.

e) Về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực:

- Các địa phương tập trung mở các lớp đào tạo 3 tháng, trong đó ưu tiên cho lao động dưới 40 tuổi trong chương trình dạy nghề nông thôn và mở các lớp tập huấn ngắn hạn về kỹ thuật trồng, chăm sóc, khai thác, bảo vệ thực vật và sơ chế biến mủ cao su cho lao động để có cơ hội tham gia trồng, chế biến cao su.

- Các doanh nghiệp cao su tuyển dụng và có chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với cán bộ quản lý và kỹ thuật giỏi, tiến tới có thể đặt hàng với các trường mở các lớp đào tạo chuyên sâu về kỹ thuật trồng, bảo vệ thực vật, chế biến và

bảo quản sản phẩm cao su; bố trí, sắp xếp lao động hợp lý và tạo điều kiện ổn định cuộc sống lâu dài cho người lao động, nhất là lao động đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ; tạo điều kiện thu nhận lao động, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số vào làm công nhân trong các Công ty.

g) Các giải pháp khác:

- Tạo thuận lợi về thủ tục khảo sát, lập dự án, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thu hút các nhà đầu tư trồng cao su có tiềm lực mạnh, trước hết là các doanh nghiệp cao su thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam; hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư trồng cao su và người sử dụng đất trong việc chuyển đổi rừng nghèo, chuyển cây trồng kém hiệu quả sang trồng cao su theo quy hoạch và quy định của pháp luật.

- Tiếp tục triển khai đồng bộ, có hiệu quả các dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư hiện có, đồng thời nghiên cứu, bổ sung thêm các dự án mới, trước mắt có thể bố trí ở 3 tiểu khu là 249, 271, 296 thuộc huyện Ea Súp để ổn định sản xuất và đời sống dân cư trong vùng quy hoạch phát triển cao su.

- Lồng ghép các chương trình, dự án để đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng thiết yếu trong vùng quy hoạch trồng cao su tập trung; Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam và các doanh nghiệp đầu tư phát triển cao su có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật, phúc lợi xã hội phục vụ dân sinh và phát triển kinh tế trong vùng; mở các lớp huấn luyện, đào tạo nghề trồng cao su cho lực lượng lao động tại chỗ, nhất là lao động dân tộc thiểu số.

- Tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu tư phát triển cao su thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện sản xuất khó khăn, vùng biên giới được hưởng các chính sách, chương trình, dự án ưu đãi của Trung ương và của tỉnh.

- Thực hiện các hình thức bảo hiểm, hỗ trợ đối với người trồng cao su khi gặp thiên tai hoặc khi giá cao su nguyên liệu thấp hơn giá thành. Trợ giúp cho công tác nghiên cứu khoa học về cao su.

2. Phân công triển khai thực hiện:

Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 120/2014/NQ-HĐND ngày 18/7/2014 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2456/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch phát triển cây cao su tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2014 – 2020.

Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là Chủ tịch UBND cấp huyện) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo nội dung của Nghị quyết số 120/2014/NQ-HĐND ngày 18/7/2014 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2456/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch phát triển cây cao su tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2014 – 2020 trên địa bàn cấp huyện.

Thời gian thực hiện từ năm 2014 đến 2020.

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Tổ chức công bố quy hoạch, hướng dẫn các địa phương triển khai theo quy hoạch, xây dựng kế hoạch phát triển cao su hàng năm; tổ chức hướng dẫn các doanh nghiệp khảo sát, lập dự án và phối hợp các ngành chức năng thẩm định, trình UBND tỉnh cho phép triển khai thực hiện các dự án phát triển cao su theo đúng quy định.

- Chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu cho UBND tỉnh về cơ chế, chính sách, quy trình, thủ tục phát triển cây cao su và giải pháp cụ thể để thực hiện quy hoạch và quản lý quy hoạch.

- Kiểm tra, giám sát và định kỳ đánh giá thực hiện quy hoạch.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Tham mưu cho UBND tỉnh về cơ chế, chính sách thu hút đầu tư và quản lý đầu tư vào lĩnh vực trồng và chế biến cao su.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường: Tham mưu cho UBND về cơ chế, chính sách quản lý, sử dụng đất đai và quản lý, bảo vệ môi trường theo quy hoạch và kế hoạch được duyệt.

d) Sở Khoa học và Công nghệ:

- Tổ chức nghiên cứu, đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển và hiệu quả kinh tế - xã hội của các dự án trồng cao su chuyển đổi rừng kinh tế nghèo.

- Nghiên cứu, hoàn thiện quy trình trồng cao su trên các vùng sinh thái của tỉnh.

- Nghiên cứu, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật về trồng, chăm sóc, bảo vệ thực vật và chế biến các sản phẩm từ cây cao su.

e) UBND các huyện, thị xã, thành phố: Lập kế hoạch và triển khai kế hoạch trồng cao su trên địa bàn.

g) Các tổ chức Chính trị - Xã hội

- Phối hợp cùng chính quyền các cấp, tham gia tuyên truyền, vận động hội viên tích cực thực hiện quy hoạch.

- Lồng ghép các biện pháp phát triển cao su vào chương trình hoạt động và dự án đầu tư hỗ trợ của các tổ chức chính trị - xã hội.

h) Các doanh nghiệp trồng cao su

- Hoàn thiện thủ tục, dự án đầu tư trồng cao su; lập kế hoạch trồng cao su hàng năm, triển khai trồng theo đúng tiến độ đề ra trong kế hoạch. Thực hiện nghiêm dự án đã được phê duyệt; chấp hành nghiêm túc quy trình, thủ tục đầu tư trên đất rừng; thực hiện tốt công tác quản lý bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường theo quy định.

- Công khai, cụ thể hóa về quyền lợi và nghĩa vụ các bên tham gia trồng cao su, thu hút lao động tại chỗ và đầu tư phát triển hạ tầng vùng trồng cao su.

- Tham gia tập huấn cho nông dân về quy trình kỹ thuật, cung cấp giống cao su tốt, ký kết hợp đồng thu mua sản phẩm cho hộ trồng cao su tiêu điền trong vùng.

- Phối kết hợp với chính quyền và ngành nông nghiệp địa phương trong việc tổ chức đưa tiên bộ kỹ thuật vào trồng, chăm sóc và khai thác cao su cho các hộ tiêu điền.

- Xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh lâu dài, đồng thời lập kế hoạch đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ chế biến theo hướng hiện đại hoá nhằm tạo các sản phẩm phù hợp yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Tiếp tục hoàn thiện quy trình quản lý chất lượng để sớm được cấp giấy chứng nhận theo tiêu chuẩn ISO cũng như xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu.

- Chủ động đào tạo nguồn nhân lực về quản lý kinh tế, kỹ thuật, marketing, đưa tin học vào quản lý điều hành sản xuất kinh doanh.

- Tham gia hoạt động của Hiệp hội Cao su Việt nam (VRA) để nắm bắt kịp thời thông tin thị trường và khách hàng, thúc đẩy xuất khẩu cao su.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Quy hoạch phát triển cây cao su tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2014 – 2020; kế hoạch này và tình hình thực tế của địa phương xây dựng kế hoạch cụ thể của địa phương, đơn vị mình triển khai thực hiện; nghiêm túc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ (hàng tháng, quý, 6 tháng, năm) và gửi báo cáo về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

2. Giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với Sở ngành liên quan, UBND các huyện tổ chức kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ nêu trên; kịp thời tham mưu đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo xử lý các khó khăn, vướng mắc, các sai phạm (nếu có); đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư phát triển cây cao su đúng quy hoạch và quy định pháp luật; định kỳ 6 tháng, hàng năm tổng hợp tình hình, đánh giá tiến độ thực hiện báo cáo kết quả thực hiện cho UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- TT TU (thay b/c);
- TT HĐND tỉnh (thay b/c);
- Ủy ban MTTQVN tỉnh; các Tổ chức Ctrị-XH cấp tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- Các Sở: NN&PTNT, TN&MT, KH&ĐT, KH&CN, TC;
- UBND các huyện, TX, TP;
- VP UBND tỉnh: CVP, các Phó CVP, các Phòng: TH, NN-MT;
- Lưu: VT, NN-MT (vũ-65 b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Khiết